

Bản án số: 81/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11-7-2024

V/v “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Hồng Vân.

2/ Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 527/2023/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Như Q, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Tấn H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Võ Thị Như Q trình bày:

Chị và anh Phan Tấn H cưới vào ngày 28/12/2022, đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/2022 tại Ủy ban nhân dân xã P. Sau khi cưới về sống chung với cha mẹ

anh H, khi có thai chị bị ghen nên xin cha mẹ chồng về nhà cha mẹ ruột sống vào tháng 02/2023, anh H cũng tới lui; chị ở nhà cha mẹ ruột được khoảng 01 tháng thì mẹ anh H kêu chị trở về (nhà bên chồng); do còn bị ghen nên không về. Sau đó, anh H nói với chị, lấy vàng cưới về để làm ăn, chị nói chị đang bị ghen từ từ hả bán vàng làm ăn nên chị không có đưa. Chiều ngày 28/4/2023 anh H muốn xem vàng cưới, anh H nói từ ngày cưới tới giờ không thấy vàng cưới, chị lấy vàng cưới cho anh H xem, chị vừa lấy ra thì anh H giật lấy số vàng, cha chị giật lại thì bị anh H xô, anh H chạy ra ngoài sân; do mẹ chị bị hoảng nên mẹ chị chạy la cướp cướp, mẹ chị dẫn xe anh H vô nhà chờ cha mẹ anh H tới giải quyết. Anh H gọi điện, cha mẹ anh H lên thì cha anh Hoàng chửi, cha anh H dẫn xe anh H ra về. Từ lúc đó, chị cũng như gia đình 02 bên không nói chuyện hay bàn bạc gì. Chị nhận thấy sự việc mâu thuẫn đôi bên không thể nào hàn gắn được nên chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H.

Con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên: Phan Quang D, sinh ngày 29/9/2023. Con hiện do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi; anh H có khả năng cấp dưỡng nuôi con, vì anh H làm công nhân Công ty Tỷ Thành lương mỗi tháng hơn 5.000.000 đồng. Chị hiện là kế toán của công ty tư nhân lương mỗi tháng hơn 8.000.000 đồng.

Tài sản chung: 21 chỉ vàng cưới 24k; 01 chỉ vàng 24k anh H mua tặng chị nhưng chị đồng ý là vàng chung vợ chồng. Tổng cộng 22 chỉ vàng 24k anh Hoàng giữ. Ngày 28/4/2023 anh H đã lấy hết số vàng về, việc anh H cho rằng chỉ lấy 18 chỉ vàng 24k thì do anh H nói, khi lấy vàng thì anh H đứng trước nhà một lúc nhưng anh H không nói thiếu. Việc anh H cho rằng bán vàng trả nợ thì chị không đồng ý, vì chị và anh H không có nợ chung. Anh H nói mua bò nhưng khi anh H lấy vàng về đôi bên đã mâu thuẫn, anh H không nói gì nên chị không đồng ý khoản này. Chị yêu cầu chia đôi số vàng 22 chỉ vàng 24k, chị yêu cầu anh H giao lại chị 1 chỉ vàng 24k.

Nợ chung: Chị và anh H không có.

** Theo bản tự khai ngày 02 /01/2024 bị đơn anh Phan Tấn H trình bày:*

Chị Q yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh còn thương vợ con. Về con chung: Anh yêu cầu giám định ADN để xác định mối quan hệ huyết thống với cháu Phan Quang D, sinh ngày 29/9/2023. Nếu cháu D đúng là con anh thì anh nhận nuôi, anh không đồng ý cấp dưỡng.

Về nợ chung: 52.000.000 đồng, đó là tiền vợ chồng mượn trang phục cưới, trang điểm cô dâu, chụp hình, heo quay, mâm quả lễ lộc của đám hỏi, cưới.

Về tài sản chung: 22 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng do chị Q cất giữ; trong lúc anh lấy vàng về làm ăn, cha vợ thấy chị Q đưa vàng cho anh thì cha vợ chạy giật lại. Cuối cùng bên vợ giữ 04 chỉ vàng 24k và 20.000.000 đồng, anh giữ 18 chỉ vàng 24k, số vàng anh giữ bị gãy, hư hỏng mất giá trị vì do cha vợ giật. Số vàng 18 chỉ anh giữ, anh bán trả nợ 52.000.000 đồng tiền nợ chung (trị giá 10 chỉ vàng 24k), mua một con bò cái để nuôi trị giá 25.000.000 đồng, nuôi được khoảng 5 tháng bò chết, bán được 6.000.000 đồng. Cuối cùng anh hiện giữ 6.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k.

* Tại Tòa:

Nguyên đơn chị Q trình bày: Chị vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn với anh Phan Tấn H. Chị yêu cầu nuôi cháu Phan Quang D, sinh ngày 29/9/2023 và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Tài sản chung: Vàng cưới: chiếc kiềng 05 chỉ vàng 24k, dây chuyền 05 chỉ vàng 24k, lắc tay 05 chỉ vàng 24k, 02 vòng đeo tay 04 chỉ vàng 24k, chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k và chiếc nhẫn anh Hoàng tặng sinh nhật của chị 01 chỉ vàng 24k. Tổng cộng 22 chỉ vàng 24k. Do chị có thai nên xin về nhà cha mẹ ở, ngày 28/4/2024 anh H đến nói cho xem số vàng, chị lấy ra thì anh H giật lấy, cha chị giật lại thì bị anh H xô rồi anh H chạy ra ngoài, lúc đó túi vàng không có rơi xuống đất hay bị rớt ra. Anh H lấy vàng ban đầu không nói thiếu đến khi làm bản tự khai gửi đến Tòa án mới nói thiếu vàng và cho rằng giữ 18 chỉ vàng 24k. Anh H nói là bán vàng trả nợ là chị không đồng ý vì chị và anh H không có nợ chung, anh H cho rằng mua bò nuôi là chị không biết. Số tiền 20.000.000 đồng là tiền bạc chợ, chị mua quần áo, mừng mên và khi mang thai sử dụng hết. Nợ chung: Chị và anh H không có. Anh H cho rằng nợ chung 52.000.000 đồng là mượn trang phục cưới, trang điểm cô dâu, chụp hình, heo quay, mâm quả lễ lộc của đám hỏi, cưới là chị không đồng ý. Đây không phải là nợ chung.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri trình bày quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục phiên tòa. Đương sự, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn vắng mặt không lý do là chưa thực hiện đúng quyền nghĩa vụ. Về quan điểm giải quyết vụ án: chị Q và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 29/12/2022 nên hôn nhân

hợp pháp. Tháng 3/2023 phát sinh mâu thuẫn, chị Q không còn tình cảm với anh H nên yêu cầu ly hôn; anh H không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương chị Q. Trong quá trình chung sống, bản thân anh H cũng không tin tưởng chị Q nên nghi ngờ có quan hệ tình cảm với người khác, anh H cho rằng còn thương chị Q nhưng không có biện pháp hàn gắn. Nhận thấy hôn nhân của đôi bên đã rạn nứt, cả hai không còn tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau nên mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Q là có cơ sở, phù hợp tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Phan Quang D, sinh ngày 29/9/2023, cháu D được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên có cơ sở xác định cháu D là con chung của vợ chồng. Hiện cháu D dưới 36 tháng tuổi nên chị Q yêu cầu nuôi dưỡng là phù hợp tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Q và anh H thống nhất 22 chỉ vàng 24k là tài sản chung, số tiền 20.000.000 đồng anh H trình bày là tài sản chung nhưng chị Q không đồng ý và anh H không có căn cứ chứng minh nên lời trình bày anh H không có cơ sở chấp nhận. Số vàng 22 chỉ 24k, sau khi cưới do chị Q cất giữ, sau đó anh H có lấy lại số vàng nhưng anh H cho rằng chỉ lấy 18 chỉ vàng 24k. Chị Q cho rằng anh H đã lấy lại toàn bộ số vàng nhưng chị Q không cung cấp được chứng cứ anh H đã lấy toàn bộ 22 chỉ vàng 24k. Do đó, 22 chỉ vàng 24k là tài sản chung của vợ chồng nên chia đôi mỗi người nhận 11 chỉ vàng 24k, anh H giữ 18 chỉ vàng 24k nên có nghĩa vụ giao lại chị Q 07 chỉ vàng 24k.

Về nợ chung: Chị Q trình bày không có, anh H cho rằng nợ chung số tiền 52.000.000 đồng gồm: chi phí mướn trang phục cưới, trang điểm cô dâu, chụp hình, quay phim, heo quay, mâm lễ hỏi cưới. Tuy nhiên đây là những chi phí phát sinh trước hôn nhân và đôi bên cũng không thỏa thuận là nợ chung; đồng thời theo phong tục tập quán tại địa phương là các khoản phát sinh trên sẽ do hai gia đình thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận thì phía anh H sẽ có nghĩa vụ thanh toán nên đây không phải là nợ chung của vợ chồng. Do đó, lời trình bày của anh H là bán tài sản chung để thanh toán các khoản trên nhưng không có sự đồng ý của chị Q là không phù hợp và không có cơ sở chấp nhận.

Từ các phân tích trên đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q được ly hôn với anh H.

Về con chung: Giao cháu Phan Quang D, sinh ngày 29/9/2023 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: 22 chỉ vàng 24k, anh H và chị Q mỗi người hưởng 11 chỉ vàng 24k. Anh H quản lý 18 chỉ vàng 24k, chị Q quản lý 04 chỉ vàng 24k, nên anh H có nghĩa vụ giao lại cho chị Q 07 chỉ vàng 24k.

Về nợ chung: Chị Q trình bày không có. Số nợ anh H trình bày 52.000.000 đồng không có cơ sở chấp nhận.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Bị đơn anh Phan Tấn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Như Q và anh Phan Tấn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 29/12/2022 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Q và anh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, đôi bên phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ không tin tưởng nhau trong tình cảm cũng như trong việc quản lý vàng cưới. Chị Q giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, theo bản tự khai anh H không đồng ý ly hôn. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng qua thời gian Tòa án tố tụng thì không có chứng cứ gì thể hiện anh H có thiện chí hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Q và anh H không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q đối với anh H.

[2] Về con chung: Chị Q yêu cầu nuôi cháu Phan Quang D, sinh ngày 29/9/2023 và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật đến khi con chung tròn 18 tuổi. Theo bản tự khai, anh H yêu cầu giám định ADN để xác định quan hệ huyết thống giữa anh và cháu D nhưng Tòa án thông báo cho anh H làm đơn cũng như nộp chi phí giám định nhưng anh H không thực hiện. Cháu Phan Quang D, sinh ngày 29/9/2023 là được sinh ra trong thời kì hôn nhân

của chị Q và anh H; anh H không có chứng cứ chứng minh không có quan hệ cha con với cháu D. Chị Q đang nuôi dưỡng cháu D và yêu cầu tiếp tục nuôi cháu D là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh H là người không trực tiếp nuôi con và qua xác minh thì anh H là công nhân, anh H là người có thu nhập nên anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi cháu D tròn 18 tuổi là phù hợp theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Tài sản chung: Số tiền 20.000.000 đồng anh H cho rằng chị Q giữ, số tiền này chị Q cho rằng là tiền bạc chợ, tiền đã sử dụng để mua quần áo, mền, mùng và quá trình mang thai đã xài hết. Tiền bạc chợ của nhà trai cho nhà gái và chị Q không thừa nhận đây là tài sản chung nên không có cơ sở chấp nhận. Đối với 22 chỉ vàng 24k thời gian đầu do chị Q giữ, chị Q cho rằng anh H muốn xem số vàng nên chị đem ra thì anh H giật lấy nên xảy ra xô xát với cha chị, còn anh H cho rằng chị Q lấy vàng đưa cho anh thì cha chị Q giật lại nên xảy ra giằng co, túi vàng rách rớt xuống đất và anh lấy được 18 chỉ vàng 24k. Chị Q cho rằng anh H giữ 22 chỉ vàng nhưng anh H thừa nhận giữ 18 chỉ vàng 24k và cho rằng 04 chỉ 24k do chị Q giữ. Việc anh H lấy vàng từ chị Q không có sự bàn giao rõ ràng mà xảy ra giành giật, xô xát; hơn nữa chị Q và anh H đều không thừa nhận giữ 04 chỉ vàng 24k. Chị Q không có chứng cứ chứng minh anh H giữ 04 chỉ vàng 24k, anh H không có chứng cứ chứng minh chị Q giữ 04 chỉ vàng 24k. Do đó, số vàng của chị Q và anh H chỉ có cơ sở xác định còn là 18 chỉ vàng 24k do anh H cất giữ nên anh H có nghĩa vụ giao lại cho chị Q 09 chỉ vàng 24k. Anh H cho rằng bán vàng có mua 01 con bò giá là 25.000.000 đồng, nuôi được khoảng 05 tháng thì bò chết bán được 6.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận; bởi chị Q cho rằng không biết và anh H không có chứng cứ chứng minh mua bò có sự bàn bạc với chị Q.

[4] Về nợ chung: Chị Q trình bày không có nợ chung, anh H cho rằng nợ chung của vợ chồng là 52.000.000 đồng, gồm: tiền vợ chồng mượn trang phục cưới, trang điểm cô dâu, chụp hình, heo quay, mâm quả lễ của đám hỏi, cưới. Anh H cho rằng các khoản nợ trên là nợ chung là không phù hợp theo Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình nên không được chấp nhận.

[5] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về một phần tài sản chung (04 chỉ vàng 24k) nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng và án phí dân sự trong hôn nhân $66.600.000đ \times 5\% = 3.330.000$ đồng chị Q phải nộp. Án phí cấp dưỡng: 300.000 đồng và án phí dân sự trong hôn nhân $66.600.000$ đồng $\times 5\% = 3.330.000$ đồng anh H phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 33, 37, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Như Q đối với anh Phan Tấn H.

2. Con chung: Chị Võ Thị Như Q tiếp tục nuôi cháu Phan Quang D, sinh ngày 29/9/2023. Anh Phan Tấn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phan Quang D mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) đến khi cháu D tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Phan Tấn H có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Võ Thị Như Q chia 18 chỉ vàng 24. Chị Q được hưởng 09 chỉ vàng 24k, anh Phan Tấn H được hưởng 09 chỉ vàng 24k. Anh H giữ 18 chỉ vàng 24k, anh H có nghĩa vụ giao lại cho chị Q 09 chỉ vàng 24k.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của chị Võ Thị Như Q, anh Phan Tấn H đối với 04 chỉ vàng 24k.

5. Nợ chung: Chị Q trình bày không có. Không chấp nhận yêu cầu chia nợ chung của anh Phan Tấn H là 52.000.000 đồng (tiền vợ chồng mượn trang phục cưới, trang điểm cô dâu, chụp hình, heo quay, mâm quả lễ của đám hỏi, cưới).

6. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và án phí dân sự trong hôn nhân: 3.330.000 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng) chị Võ Thị Như Q phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0000130 ngày 04 tháng

12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Sau khi khấu trừ, chị Q còn phải nộp tiếp 1.630.000 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Án phí cấp dưỡng: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), án phí dân sự trong hôn nhân anh Phan Tấn H phải nộp 3.330.000 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng) và có nghĩa vụ nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp baùn àùn, quyết ñịnh ñược thi haønh theo quy ñịnh tại Điều 2 Luật Thi haønh àùn dân sự thì người ñược thi haønh àùn dân sõi, người phải thi haønh àùn dân sõi còu quyền thỏa thuận thi haønh àùn, quyền yêu cầu thi haønh àùn, tự nguyện thi haønh àùn hoặc bị cưỡng chế thi haønh àùn theo quy ñịnh tại càu ñiều 6, 7, 7a, 7b vàø 9 Luật Thi haønh àùn dân sự; thời hiệu thi haønh àùn ñược thực hiện theo quy ñịnh tại Ñiều 30 Luật thi haønh àùn dân sự.

Bàu cho nguyên ñơn biết còu quyền kháng càu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị ñơn biết có quyền kháng càu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận ñược bản án hoặc bản án ñược niêm yết hợp lệ ñể yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các ñương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND Phú Lễ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Hạnh